

**Phụ lục XXI**  
**CHỈ TIÊU KỸ THUẬT PHẢI CÔNG BỐ TRONG TIÊU CHUẨN**  
**CÔNG BỐ ÁP DỤNG CỦA THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ**  
**MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**1. Đối với thức ăn thủy sản hỗn hợp**

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Độ ẩm	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
2	Protein thô	Protein thô*	%	Không nhỏ hơn
3	Béo thô	Béo thô	%	Không nhỏ hơn
4	Xơ thô	Xơ thô	%	Không lớn hơn
5	Tro tổng số		%	Không lớn hơn
6	Canxi		%	Không nhỏ hơn
7	Phốt pho tổng số	Phốt pho tổng số	%	Không nhỏ hơn
8	Lysine tổng số	Lysine tổng số*	%	Không nhỏ hơn
9	Methionine + Cystine tổng số		%	Không nhỏ hơn
10	Các chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu		-	Mô tả
11	Kích thước của dạng bột hoặc dạng mảnh hoặc viên			Kích thước
12	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu, ...	Các thành phần khác: tên thành phần, hoạt chất	-	Không phải công bố hàm lượng, trừ chất chống oxy hóa **
13	Các chỉ tiêu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng		-	Theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

\* Chỉ tiêu chất chính của thức ăn thủy sản hỗn hợp

\*\*Đối với chất chống oxy hóa phải công bố hàm lượng tối đa: Ethoxyquin, Dibutylhydroxytoluene, BHT (Butylated hydroxyl toluene), BHA (Butylated hydroxyl Anisole).

## 2. Đối với thức ăn hỗn hợp cho động vật cảnh

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Các chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu		-	Mô tả
2	Độ ẩm	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
3	Protein thô	Protein thô*	%	Không nhỏ hơn
4	Béo thô	Béo thô	%	Không nhỏ hơn
5	Xơ thô	Xơ thô	%	Không lớn hơn
6	Khoáng tổng số		%	Không lớn hơn
7	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu,	Các thành phần khác: tên thành phần, hoạt chất		Không phải công bố hàm lượng
8	Các chỉ tiêu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng		-	Theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

\* Chỉ tiêu chất chính của thức ăn thủy sản hỗn hợp cho động vật cảnh

## 3. Đối với premix: Khoáng, vitamin, axit amin

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Các chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu		-	Mô tả
2	Độ ẩm	Độ ẩm	%	Không lớn hơn (đối với sản phẩm dạng khô)
3	Thành phần Vitamin, khoáng đơn hoặc axit amin	Thành phần* : Vitamin, khoáng đơn hoặc axit amin	g/kg, mg/kg, µg/kg, g/L, mg/L, µg/L, UI/kg, UI/L; - Đơn vị tính khác	Tối thiểu hoặc bằng hoặc trong khoảng**

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
			theo phương pháp thử (nêu cụ thể trong tiêu chuẩn công bố)	
4	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu, ...	Các thành phần khác: tên thành phần, hoạt chất		Không phải công bố hàm lượng
5	Các chỉ tiêu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng		-	Theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

\* Chỉ tiêu chất chính của sản phẩm

\*\* Đối với vitamin và axit amin công bố hàm lượng tối thiểu hoặc bằng. Các chỉ tiêu khác tùy theo từng chỉ tiêu để lựa chọn hình thức công bố phù hợp.

#### 4. Chế phẩm sinh học

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Các chỉ tiêu cảm quan: dạng, màu		-	Mô tả
2	Độ ẩm	Độ ẩm	%	Không lớn hơn (đối với sản phẩm dạng khô)
3	Tên enzyme; tên loài vi sinh vật; tên và công thức hoạt chất sinh học có lợi	Thành phần *: Tên enzyme; tên loài vi sinh vật; tên và công thức hoạt chất có lợi	- Enzyme, hoặc hoạt chất có lợi: U/kg, U/L, U/g, U/ml; mg/kg, mg/ml. - Vi sinh vật: CFU/kg, CFU/l,	Tối thiểu hoặc bằng hoặc trong khoảng**

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
			CFU/g, CFU/ml; - Hoạt chất có lợi: g/kg, mg/kg, µg/kg, IU/kg, g/L, mg/l, µg/l, IU/l - Đơn vị tính khác theo phương pháp thử (nêu cụ thể trong tiêu chuẩn công bố).	
4	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu, ...	Các thành phần khác: tên thành phần, hoạt chất		Không phải công bố hàm lượng
5	Các chỉ tiêu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng		-	Theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

\* *Chỉ tiêu chất chính của sản phẩm*

\*\* *Đối với enzyme, vi sinh vật công bố hàm lượng tối thiểu hoặc bằng. Các chỉ tiêu khác tùy theo từng chỉ tiêu để lựa chọn hình thức công bố phù hợp.*

### 5. Đối với nguyên liệu, hóa chất và sản phẩm khác (bao gồm cả môi cầu)

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Các chỉ tiêu cảm quan: dạng, màu		-	Mô tả
2	Độ ẩm		%	Không lớn hơn (nếu là sản phẩm dạng khô)
3	Tên, công thức hóa học và hàm lượng hoạt chất có đặc tính, công dụng chính	Tên, công thức hóa học và hàm lượng	Theo đặc tính của thành phần,	Tối thiểu hoặc tối đa hoặc trong khoảng**

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
		hoạt chất có đặc tính, công dụng chính *	phương pháp thử (nêu cụ thể trong tiêu chuẩn công bố)	
4	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu, ...	Các thành phần khác: Tên thành phần, hoạt chất		Không phải công bố hàm lượng
5	Các chỉ tiêu theo Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng			

\* Chỉ tiêu chất chính của sản phẩm

\*\* Tùy theo từng chỉ tiêu để lựa chọn hình thức công bố phù hợp.